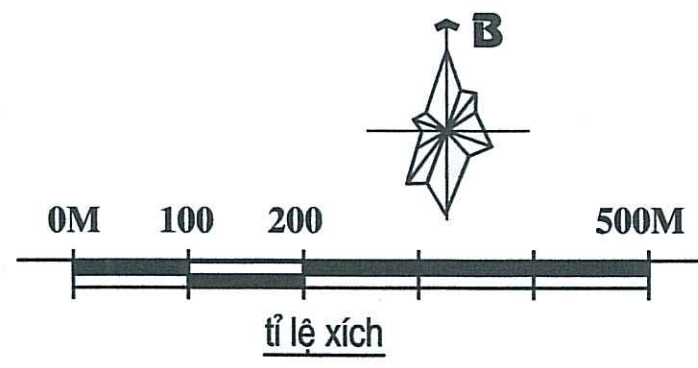


QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500, KHU DÂN CƯ MỚI (KHU 1), ĐĂN CHÀNG 2, THỊ TRẤN HUNG HÀ, HUYỆN HUNG HÀ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT



BẢNG TÍNH LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT

| TT | TÊN LÔ ĐẤT                              | DIỆN TÍCH              | CHỈ TIÊU    | NHU CẦU (M3/NG.Đ) |
|----|-----------------------------------------|------------------------|-------------|-------------------|
| 1  | DÂN SỐ (NGƯỜI)                          | 820 NGƯỜI              | 150(L/NG.Đ) | 123.0             |
| 2  | ĐẤT CÔNG CỘNG, CÂY XANH                 | LẤY 10% NƯỚC SINH HOẠT |             | 12.3              |
| 3  | TỔNG CỘNG                               |                        |             | 135.3             |
| 4  | HỆ SỐ ĐIỀU HÒA                          | KđH=1.15               |             | 155.6             |
| 5  | TỔNG NHU CẦU SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH          |                        |             | 155.6             |
| 6  | HỆ SỐ THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI K=0.85 |                        |             | 104.6             |
| 7  | CHỌN TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI               |                        |             |                   |

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC THẢI

| TT | TÊN VẬT LIỆU                                                                                          | ĐƠN VỊ | KHỐI LƯỢNG |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|
| 1  | RĂNG NẮP ĐẠN THOÁT NƯỚC THẢI                                                                          | M      | 335        |
| 2  | CỐNG BT D300MM                                                                                        | M      | 1495       |
| 3  | HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI                                                                                 | HỐ GA  | 76         |
| 4  | TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (GĐ ĐẤU; GIAI ĐOẠN SÂU KHI THỊ TRẤN CÓ NMXLNT SẴ ĐẤU NỐI VỀ KHU XỬ LÝ TẬP TRUNG) | TRẠM   | 1          |

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RĂNG NẮP ĐẠN 400X600MM
- CỐNG BTCT D280 - 300MM
- HỐ GA THOÁT NƯỚC

MỐC TÌM ĐƯỜNG QUY HOẠCH

| Mốc | X            | Y           |
|-----|--------------|-------------|
| N1  | 2278907.6564 | 575268.5494 |
| N2  | 2278883.6357 | 575330.0861 |
| N3  | 2278852.6757 | 575419.8999 |
| N4  | 2278744.6546 | 575382.9029 |
| N5  | 2278646.2654 | 575349.2047 |
| N6  | 2278497.0856 | 575298.1109 |
| N7  | 2278511.4956 | 575254.4231 |
| N8  | 2278548.7202 | 575145.6144 |
| N9  | 2278698.4396 | 575196.893  |
| N10 | 2278677.0473 | 575259.33   |
| N11 | 2278775.4365 | 575293.0281 |
| N12 | 2278796.8303 | 575230.5917 |

MỐC RANH GIỚI QUY HOẠCH

| Mốc | X            | Y           |
|-----|--------------|-------------|
| M1  | 2278913.8564 | 575263.8023 |
| M2  | 2278909.0525 | 575273.6821 |
| M3  | 2278903.914  | 575285.2186 |
| M4  | 2278894.9718 | 575307.9724 |
| M5  | 2278892.0276 | 575315.7646 |
| M6  | 2278888.5623 | 575325.7449 |
| M7  | 2278886.145  | 575333.9557 |
| M8  | 2278883.483  | 575344.1917 |
| M9  | 2278882.0976 | 575350.7393 |
| M10 | 2278879.0846 | 575368.7746 |
| M11 | 2278877.0337 | 575380.4841 |
| M12 | 2278874.9121 | 575392.1418 |
| M13 | 2278873.8112 | 575397.471  |
| M14 | 2278872.6401 | 575401.8514 |
| M15 | 2278871.1254 | 575405.3463 |
| M16 | 2278869.1238 | 575408.5453 |
| M17 | 2278866.3182 | 575411.7479 |
| M18 | 2278857.6342 | 575420.0126 |
| M19 | 2278485.4714 | 575292.5476 |
| M20 | 2278491.9427 | 575272.0397 |
| M21 | 2278538.7642 | 575135.3339 |
| M22 | 2278708.5802 | 575193.4955 |
| M23 | 2278737.1025 | 575110.2862 |
| M24 | 2278742.1828 | 575107.7981 |
| M25 | 2278818.8129 | 575134.0437 |
| M26 | 2278821.2873 | 575139.0961 |
| M27 | 2278792.7799 | 575222.3338 |

CƠ QUAN THỎA THUẬN: SỞ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

KÈM THEO VẤN ĐÁP SỐ: 2268/SXD-QHKT NGÀY 18 THÁNG 11 NĂM 2020

VĂN BẢN SỐ: 266/SXD-QHKT NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ

KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1137/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KHTH-HUYỆN HUNG HÀ

KÈM THEO BẢO CÁO SỐ: 128C-KHTH NGÀY 18 THÁNG 02 NĂM 2021

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HUNG HÀ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 2/TTTR-UBND NGÀY 24 THÁNG 9 NĂM 2020

TỜ TRÌNH SỐ: 63/TTTR-UBND NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2020

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI (KHU 1)

ĐĂN CHÀNG 2, THỊ TRẤN HUNG HÀ, HUYỆN HUNG HÀ

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN HUNG HÀ, HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT

BẢN VẼ: QH-11

GHEP: 1A0

TỶ LỆ: 1/500

NGÀY: .../.../2021

THIẾT KẾ: KTS. DINH TRỌNG CÔNG

THỂ HIỆN: KS. PHẠM KHƯƠNG DUY

CHỦ TRÌ: KTS. PHẠM TIẾN HÙNG

QL.KỸ THUẬT: KS. TRẦN TRÍ DŨNG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: KTS. PHẠM TIẾN HÙNG

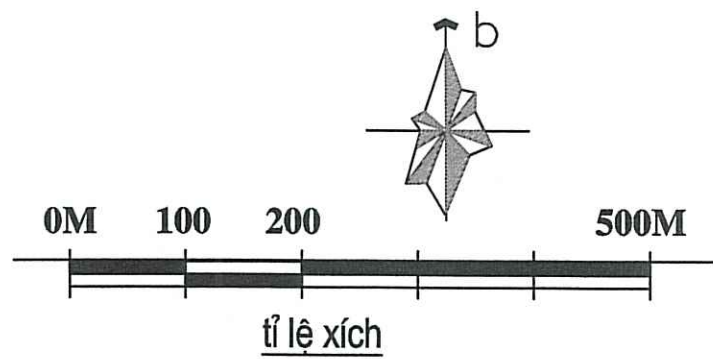
GIÁM ĐỐC: PHẠM THANH TOÁN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD TÀI VIỆT NAM

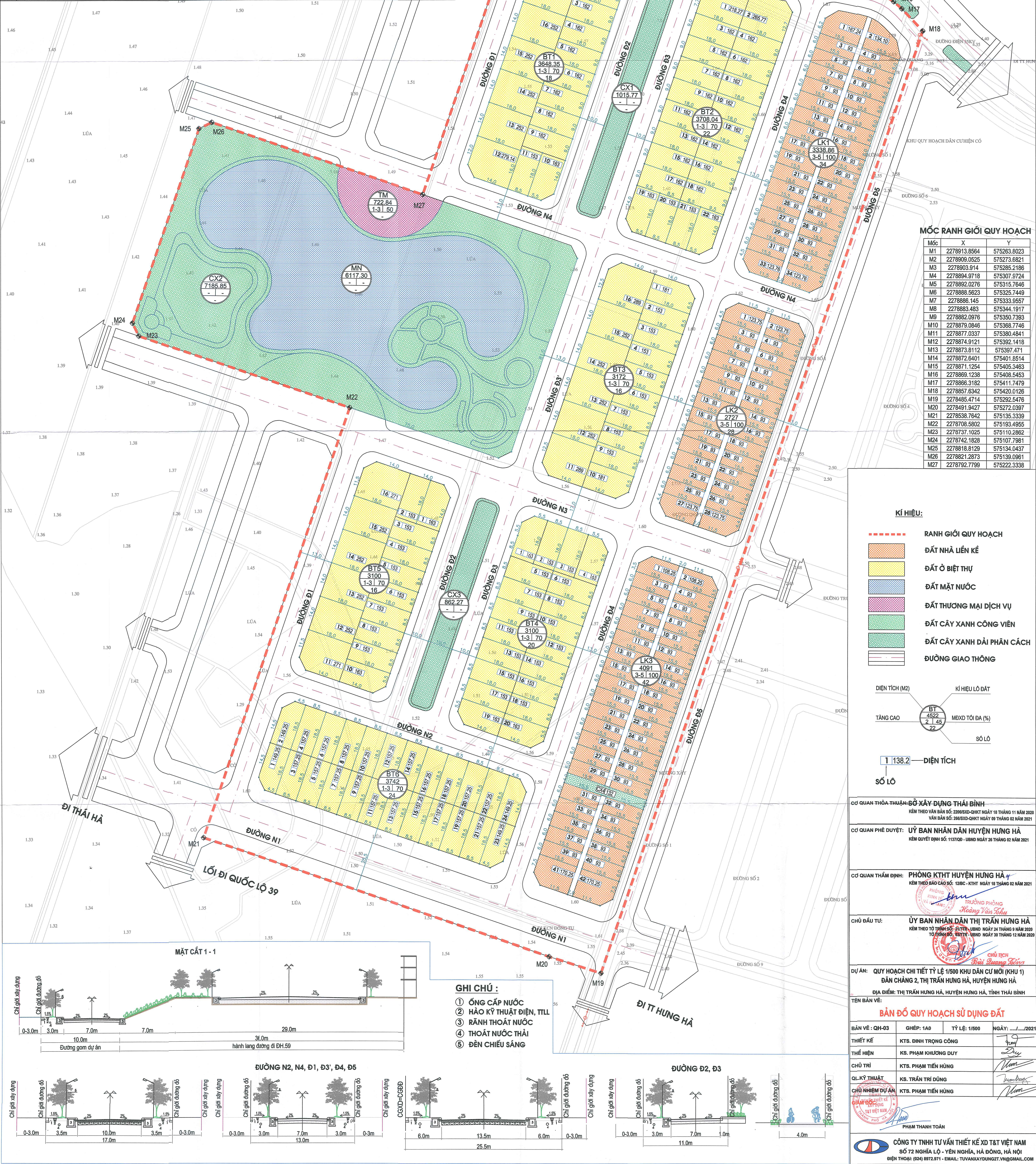
SỐ 72 NGHĨA LỘ - YÊN NGHĨA, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

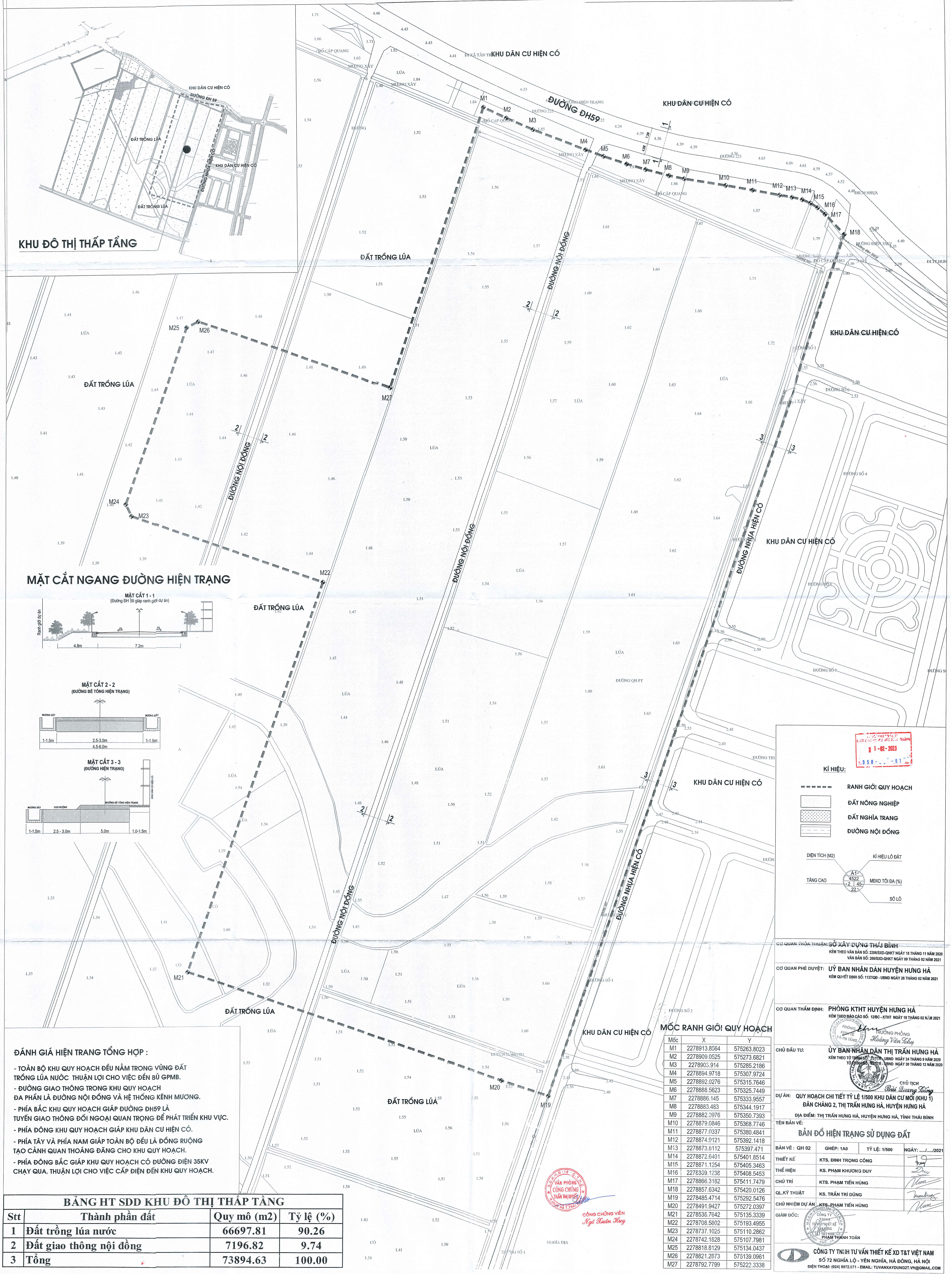
ĐIỆN THOẠI: (024) 8972.971 - EMAIL: TUVANXKTDUNG71.VN@GMAIL.COM

# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



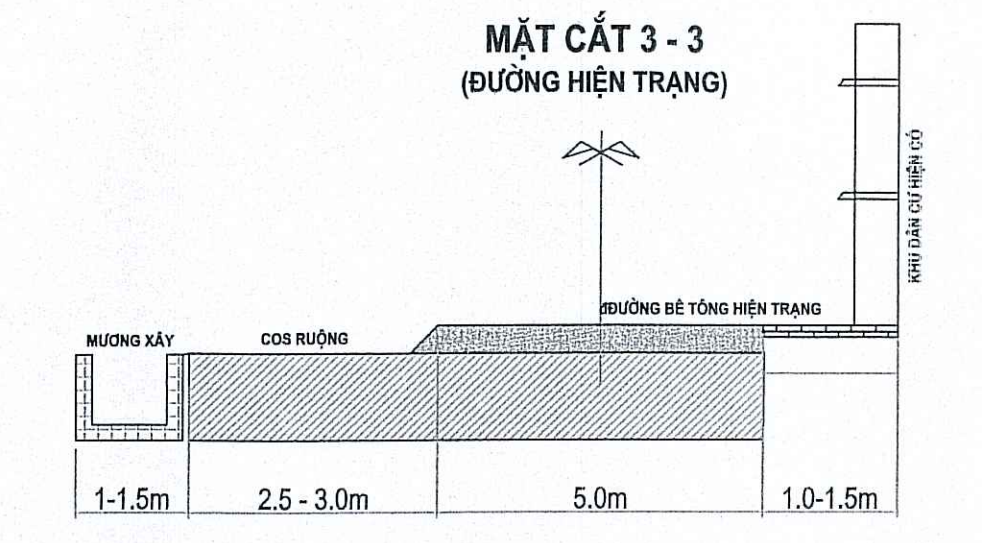
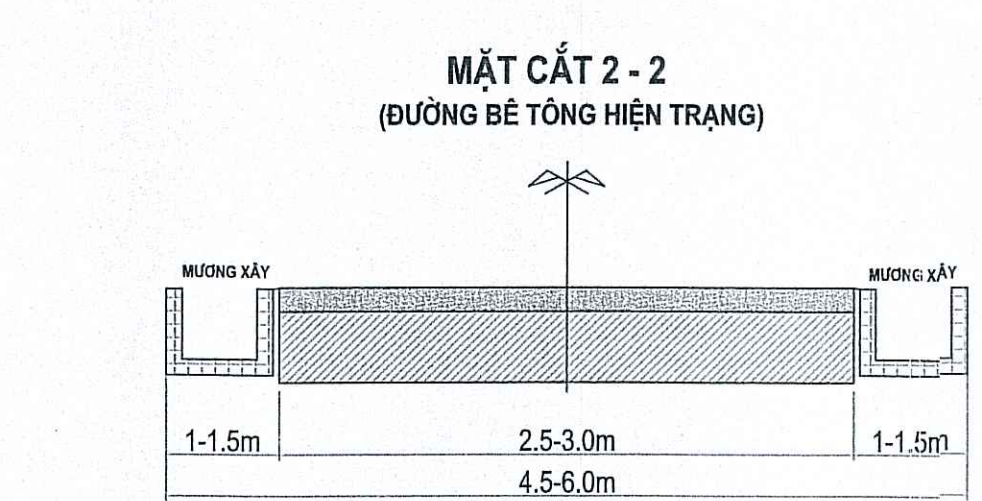
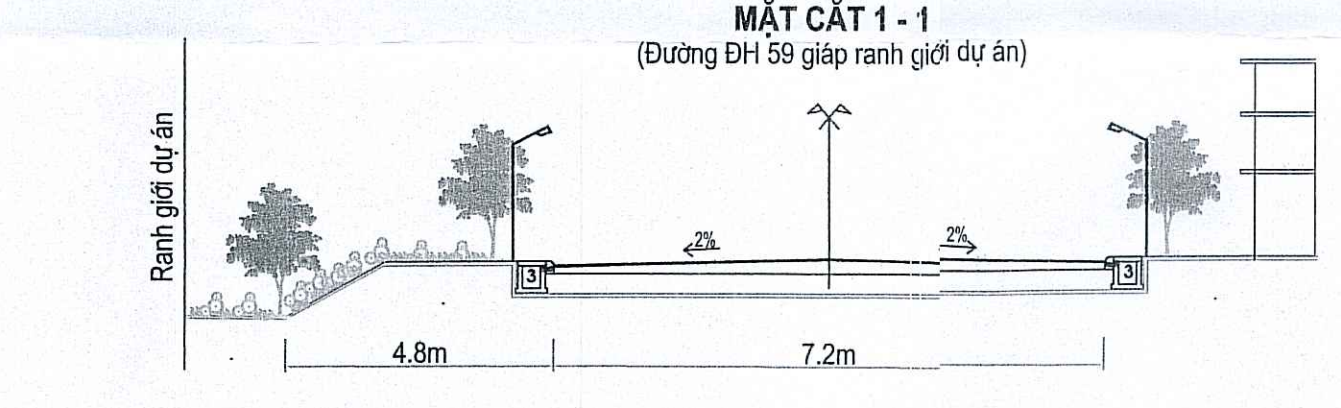
| BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI |                                     |         |       |             |           |                       |                          |                   |
|-----------------------|-------------------------------------|---------|-------|-------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-------------------|
| Stt                   | Thành phần đất                      | Kí hiệu | Số lô | Quy mô (m2) | Tỷ lệ (%) | MĐXD<br>tối đa<br>(%) | Tầng<br>cao TB<br>(Tầng) | Dân số<br>(người) |
| 1                     | Đất xây dựng nhà ở                  |         |       | 31054.46    | 42.03     |                       |                          |                   |
| 1.1                   | Đất nhà ở liền kề                   | LK      | 104   | 10156.86    | 13.75     | 100                   | 3-5                      | 387               |
| 1.2                   | Đất nhà ở biệt thự                  | BT      | 116   | 20897.60    | 28.28     | 70                    | 1-3                      | 432               |
| 2                     | Đất cây xanh, mặt nước              |         |       | 15313.19    | 20.72     |                       |                          |                   |
| 2.1                   | Đất mặt nước công viên              | MN      |       | 6117.30     | 8.28      |                       |                          |                   |
| 2.2                   | Đất cây xanh dải phân cách          | CX1     |       | 1015.77     | 1.37      |                       |                          |                   |
| 2.3                   | Đất cây xanh công viên              | CX2     |       | 7185.85     |           |                       |                          |                   |
| 2.4                   | Đất cây xanh dải phân cách          | CX3     |       | 862.27      |           |                       |                          |                   |
| 2.5                   | Đất cây xanh dải phân cách          | CX4     |       | 132.00      | 0.18      |                       |                          |                   |
| 3                     | Đất thương mại dịch vụ              | TM      |       | 722.84      | 0.98      | 50                    | 1-3                      |                   |
| 4                     | Đất hạ tầng kỹ thuật và giao thông  |         |       | 26804.14    | 36.27     |                       |                          |                   |
| 4.1                   | Đất giao thông quy hoạch            |         |       | 21907.48    | 29.65     |                       |                          |                   |
| 4.2                   | Đất giao thông theo quy hoạch chung |         |       | 4227.38     | 5.72      |                       |                          |                   |
| 4.3                   | Đất trạm biến áp                    |         |       | 4.00        | 0.01      |                       |                          |                   |
| 4.4                   | Đất khe thông gió nhà liền kề       |         |       | 665.28      | 0.90      |                       |                          |                   |
| 5                     | Tổng                                |         | 220   | 73894.63    | 100.00    |                       |                          | 820               |





KHU ĐÔ THỊ THẤP TẦNG

MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG



ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP :

- TOÀN BỘ KHU QUY HOẠCH ĐỀU NẰM TRONG VÙNG ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC THUẬN LỢI CHO VIỆC ĐẾN BÙ GPMB.
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRONG KHU QUY HOẠCH ĐA PHẦN LÀ ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG VÀ HỆ THỐNG KÊNH MƯƠNG.
- PHÍA BẮC KHU QUY HOẠCH GIÁP ĐƯỜNG ĐH59 LÀ TUYẾN GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI QUAN TRỌNG ĐỂ PHÁT TRIỂN KHU VỰC.
- PHÍA ĐÔNG KHU QUY HOẠCH GIÁP KHU DÂN CƯ HIỆN CÓ.
- PHÍA TÂY VÀ PHÍA NAM GIÁP TOÀN BỘ ĐỀU LÀ ĐỒNG RUỘNG TẠO CẢNH QUAN THOẢNG ĐẲNG CHO KHU QUY HOẠCH.
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP KHU QUY HOẠCH CÓ ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV CHẠY QUA. THUẬN LỢI CHO VIỆC CẤP ĐIỆN ĐẾN KHU QUY HOẠCH.

| BẢNG HT SDD KHU ĐÔ THỊ THẤP TẦNG |                         |             |           |
|----------------------------------|-------------------------|-------------|-----------|
| Stt                              | Thành phần đất          | Quy mô (m2) | Tỷ lệ (%) |
| 1                                | Đất trồng lúa nước      | 66697.81    | 90.26     |
| 2                                | Đất giao thông nội đồng | 7196.82     | 9.74      |
| 3                                | Tổng                    | 73894.63    | 100.00    |

MỐC RANH GIỚI QUY HOẠCH

| Mốc | X            | Y           |
|-----|--------------|-------------|
| M1  | 2278913.8564 | 575263.8023 |
| M2  | 2278909.0525 | 575273.6821 |
| M3  | 2278905.914  | 575285.2186 |
| M4  | 2278894.9718 | 575307.9724 |
| M5  | 2278892.0276 | 575315.7646 |
| M6  | 2278888.5623 | 575325.7449 |
| M7  | 2278886.145  | 575333.9557 |
| M8  | 2278883.483  | 575344.1917 |
| M9  | 2278882.3976 | 575350.7393 |
| M10 | 2278879.0846 | 575368.7746 |
| M11 | 2278877.0337 | 575380.4841 |
| M12 | 2278874.9121 | 575392.1418 |
| M13 | 2278873.8112 | 575397.471  |
| M14 | 2278872.6401 | 575401.8514 |
| M15 | 2278871.1254 | 575405.3463 |
| M16 | 2278869.1238 | 575408.5453 |
| M17 | 2278866.3182 | 575411.7479 |
| M18 | 2278857.6342 | 575420.0126 |
| M19 | 2278485.4714 | 575292.5476 |
| M20 | 2278491.9427 | 575272.0397 |
| M21 | 2278536.7642 | 575135.3339 |
| M22 | 2278708.5802 | 575193.4955 |
| M23 | 2278737.1025 | 575110.2862 |
| M24 | 2278742.1828 | 575107.7981 |
| M25 | 2278821.8129 | 575134.0437 |
| M26 | 2278821.2873 | 575139.0961 |
| M27 | 2278792.7799 | 575222.3338 |

KÍ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG

DIỆN TÍCH (M2) KÍ HIỆU LỖ ĐẤT

TẦNG CAO MỖY TỶ LỆ (%) SỐ LỖ

CƠ QUAN THỎA THUẬN: SỞ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: 226/SXD-QHKT NGÀY 18 THÁNG 11 NĂM 2020

VĂN BẢN SỐ: 266/SXD-QHKT NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ

KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1137/QĐ - UBND NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KHTH HUYỆN HƯNG HÀ

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 12BC - KHTH NGÀY 18 THÁNG 02 NĂM 2021

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HƯNG HÀ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 8/TTH - UBND NGÀY 24 THÁNG 9 NĂM 2020

TỜ TRÌNH SỐ: 8/TTH - UBND NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2020

CHỦ TỊCH: Bùi Quang Tòng

DỰ ÁN: QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI (KHU 1)

ĐẶN CHÀNG 2, THỊ TRẤN HƯNG HÀ, HUYỆN HƯNG HÀ

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN HƯNG HÀ, HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

|                 |                     |              |                    |
|-----------------|---------------------|--------------|--------------------|
| BẢN VẼ: QH 02   | GHEP: 1A0           | TỶ LỆ: 1/500 | NGÀY: .../.../2021 |
| THIẾT KẾ        | KS. DINH TRONG CÔNG |              |                    |
| THỂ HIỆN        | KS. PHẠM KHƯƠNG DUY |              |                    |
| CHỦ TRÌ         | KTS. PHẠM TIẾN HÙNG |              |                    |
| QL.KỸ THUẬT     | KS. TRẦN TRÍ DUNG   |              |                    |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN | KTS. PHẠM TIẾN HÙNG |              |                    |
| GIÁM ĐỐC:       |                     |              |                    |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD TÀI VIỆT NAM

SỐ 72 NGHĨA LỘ - YÊN NGHĨA, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

DIỆN THOẠI: (024) 8972.671 - EMAIL: TVUANXAYDUNG21.VNH@GMAIL.COM

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Ngô Xuân Huy